

HTÒA ÁN N DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 240/2023/HNGĐ-ST

Ngày : 09 – 5 – 2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng V

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Nguyên Huân – Thư ký Tòa án N dân huyện CP.

- **Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện CP tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị D – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án N dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N và gia đình thụ lý số: 602/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Hồng Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số nhà 221, ấp Kiên Thuận, xã Kiên Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh AG (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Lê Thành N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 19, ấp Long Bình, xã Ô Long Vĩ, huyện CP, tỉnh AG (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn bà Q trình bày như sau:

- Về hôn N: Bà và ông N do mai mối tiến đến hôn N vào năm 2020 có đăng kết hôn tại UBND xã Ô Long Vĩ, huyện CP, AG. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc,

mâu thuẫn do ông N thường xuyên ăn nhậu và đánh bà nhiều lần trước mặt mẹ chồng, mẹ chồng không can ngăn ông N lại nên bà bỏ về nhà mẹ bà ở Chợ Mới, đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Ông Lê Thành N được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa thực hiện theo quy định pháp luật. Ngày 17 tháng 4 năm 2023 ông N có gửi đến Tòa tờ tự khai được tóm tắt như sau: Về hôn N ông đồng ý ly hôn với bà Q, về con chung ông và bà Q không có con chung, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Bà Q, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát N dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà Q và ông N có đăng ký kết hôn, hôn N hợp pháp;

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ông N có ý kiến đồng ý ly hôn với bà Q. Qua đó cho thấy đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn N và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q.

+ Về con chung: Bà Q và ông N không có con chung nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do ông N cư trú tại xã Ô Long Vĩ, huyện CP, tỉnh AG, nên Tòa án N dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Q, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Q thấy rằng:

+ Bà Q và ông N có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung **sống theo bà Q trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian đầu nhưng về sau có nhiều mâu thuẫn**, đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, lý do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông N cũng đồng ý ly hôn với bà Q.

Tòa án tiến hành xác minh nguyên N mâu thuẫn thì được ông Đặng Văn Nhiên (ông ngoại của bà Trân) cung cấp thông tin: về mâu thuẫn thì ông không rõ nhưng vợ chồng Q và N thường xuyên cãi nhau, vì khi cưới thì Q và N về sống chung cùng ông ở xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, AG.

Xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà Q và ông N thực tế là có phát sinh mâu thuẫn, trong thời gian hơn hai năm không sống cùng nhau các bên không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng với nhau. Bà Q kiên quyết yêu cầu được ly hôn, ông N cũng đồng ý ly hôn, chứng tỏ bà Q và ông N không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa hai người đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn N và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q.

+ Về con chung: Bà Q và ông N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Q phải chịu án phí hôn N gia đình sơ thẩm do bà là người yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56 của Luật hôn N và gia đình 2014.
- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn N: Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Hồng Q, bà Đỗ Thị Hồng Q được ly hôn với ông Lê Thành N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 102 cấp ngày 22 tháng 9 năm 2020 của UBND xã Ô Long Vĩ, huyện CP, AG không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Bà Q và ông N không có con chung nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.
- Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Hồng Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn N và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005101 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên không phải nộp thêm.
- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG; (1)
- VKSND huyện CP; (1)
- CCTHADS huyện CP; (1)
- Đương sự; (2)
- UBND xã Ô Long Vĩ (1);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT. (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng V